

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT VÀ
THUẾ TNDN TẠI CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ NGỌC TẤN**

NGUYỄN BÁ CẢNH

KHÓA HỌC 2016 - 2020

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT VÀ
THUẾ TNDN TẠI CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ NGỌC TẤN**

Sinh viên thực hiện: Nguyễn Bá Cảnh

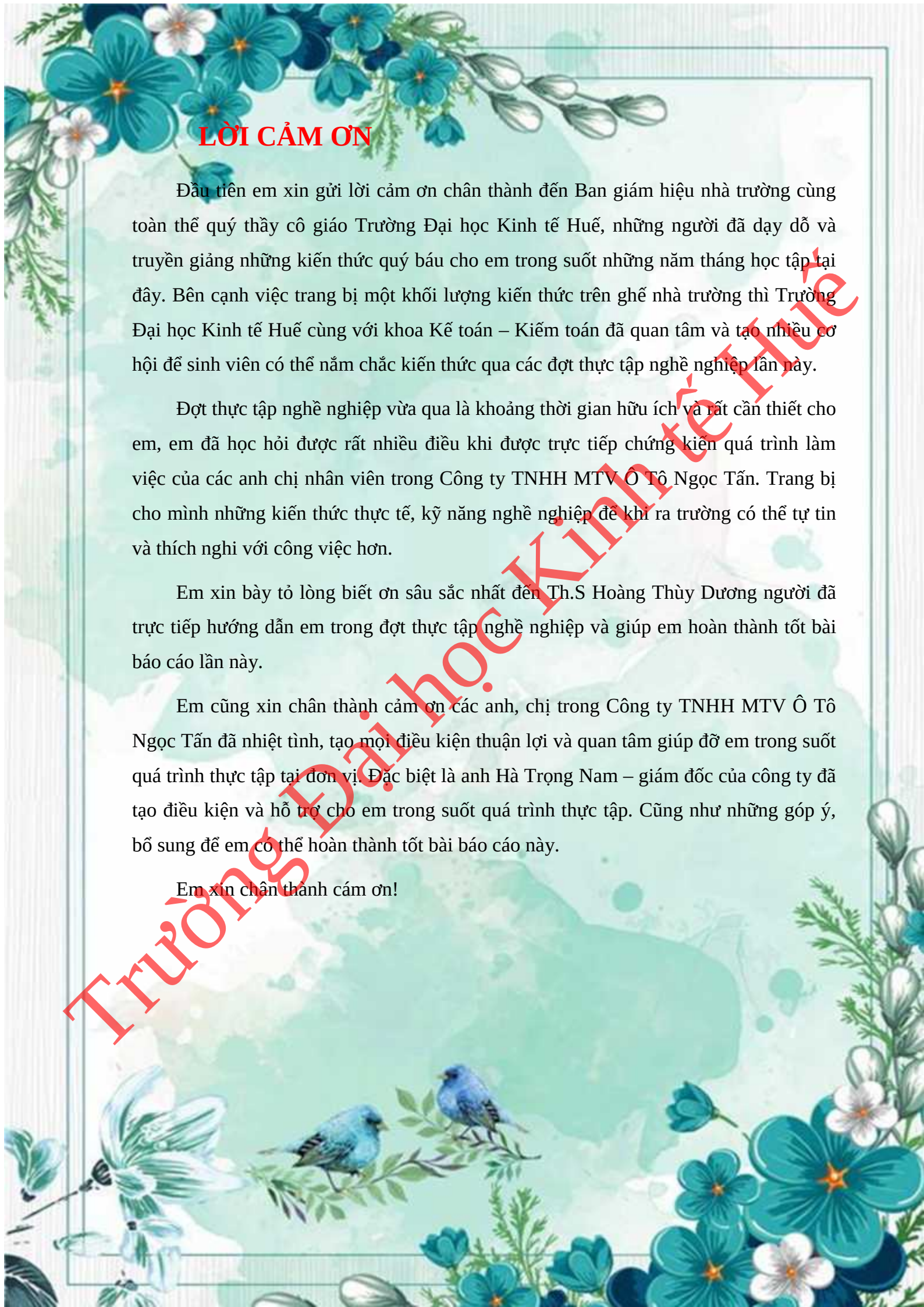
Lớp: K50A Kiểm Toán

Niên khóa: 2016 - 2020

Giảng viên hướng dẫn:

Th.S Hoàng Thùy Dương

Thừa Thiên Huế, tháng 12 năm 2019



LỜI CẢM ƠN

Đầu tiên em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban giám hiệu nhà trường cùng toàn thể quý thầy cô giáo Trường Đại học Kinh tế Huế, những người đã dạy dỗ và truyền giảng những kiến thức quý báu cho em trong suốt những năm tháng học tập tại đây. Bên cạnh việc trang bị một khối lượng kiến thức trên ghế nhà trường thì Trường Đại học Kinh tế Huế cùng với khoa Kế toán – Kiểm toán đã quan tâm và tạo nhiều cơ hội để sinh viên có thể nắm chắc kiến thức qua các đợt thực tập nghề nghiệp lần này.

Đợt thực tập nghề nghiệp vừa qua là khoảng thời gian hữu ích và rất cần thiết cho em, em đã học hỏi được rất nhiều điều khi được trực tiếp chứng kiến quá trình làm việc của các anh chị nhân viên trong Công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn. Trang bị cho mình những kiến thức thực tế, kỹ năng nghề nghiệp để khi ra trường có thể tự tin và thích nghi với công việc hơn.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất đến Th.S Hoàng Thùy Dương người đã trực tiếp hướng dẫn em trong đợt thực tập nghề nghiệp và giúp em hoàn thành tốt bài báo cáo lần này.

Em cũng xin chân thành cảm ơn các anh, chị trong Công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn đã nhiệt tình, tạo mọi điều kiện thuận lợi và quan tâm giúp đỡ em trong suốt quá trình thực tập tại đơn vị. Đặc biệt là anh Hà Trọng Nam – giám đốc của công ty đã tạo điều kiện và hỗ trợ cho em trong suốt quá trình thực tập. Cũng như những góp ý, bổ sung để em có thể hoàn thành tốt bài báo cáo này.

Em xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Kết cấu của khóa luận	3
PHẦN II NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	4
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ NGỌC TẤN.....	4
1.1 Những vấn đề cơ bản về thuế	4
1.1.1 Khái niệm.....	4
1.1.2 Đặc điểm của thuế	4
1.1.3 Vai trò của thuế.....	5
1.1.4 Phân loại thuế	6
1.2 Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp	7
1.2.1 Thuế giá trị gia tăng (GTGT)	7
1.2.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp	15
1.3 Kế toán thuế GTGT và thuế TNDN	23
1.3.1 Kế toán thuế GTGT	23
1.3.2 Kế toán thuế TNDN.....	27
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT VÀ THUẾ TNDN TẠI CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ NGỌC TẤN.....	30
2.1 Giới thiệu về Công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn.....	30
2.1.1 Tổng quan về công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn.....	30
2.1.2 Ngành nghề kinh doanh.....	31
2.1.3 Tổ chức bộ máy của công ty.....	31
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán trong công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn	33
2.1.4 Chính sách kế toán áp dụng tại công ty.....	34
2.1.6 Phân tích khái quát tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn	36

2.2 Thực trạng công tác thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn	
---	--

42

2.2.1 Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT	42
---	----

2.2.2. Thực trạng công tác kế toán thuế TNDN.	65
--	----

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT VÀ THUẾ TNDN TẠI CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ NGỌC TẤN	75
--	----

3.1 Đánh giá về công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn	75
--	----

3.1.1 Ưu điểm	75
---------------------	----

3.1.2 Hạn chế	76
---------------------	----

3.2 Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn	77
--	----

PHẦN III: KẾT LUẬN	81
--------------------------	----

1. Kết luận	81
-------------------	----

2. Kiến nghị:	81
---------------------	----

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

GTGT	Giá trị gia tăng
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
BCTC	Báo cáo tài chính
BHXX	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
KPCĐ	Kinh phí công đoàn

Tailieu.vn

Trường Đại học Kinh tế Huế

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 2.1 Tình hình lao động của Công ty trong 3 năm 2016 -2018	36
Bảng 2.2 Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty qua 3 năm 2016 – 2018.....	38
Bảng 2.3 Các chỉ tiêu đánh giá kết quả kinh doanh của công ty qua 3 năm 2016 -2018	41
Bảng 2.4: Bảng kê hàng hóa, dịch vụ mua vào	55
Bảng 2.5: Bảng kê hàng hóa, dịch vụ bán ra	56
Bảng 2.6: Tờ khai thuế GTGT Quý 4 năm 2018 của công ty	59
Bảng 2.7: Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn.....	63
Bảng 2.8: Sổ cái TK 3334 năm 2018	67
Bảng 2.9: Sổ cái TK 821 năm 2018	68

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Hạch toán thuế GTGT đầu vào theo phương pháp khấu trừ.....	25
Sơ đồ 1.2 Hạch toán thuế GTGT đầu ra theo phương pháp khấu trừ	26
Sơ đồ 1.3 Hạch toán thuế GTGT đầu ra theo phương pháp trực tiếp	27
Sơ đồ 1.4 Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp	29
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy của công ty	31
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán	33
Sơ đồ 2.3: Kế toán trên phần mềm máy vi tính.....	35
Sơ đồ 2.4: Quy trình kê khai thuế GTGT	57

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

Trong điều kiện hiện nay, khi nền kinh tế nước ta đang dần hội nhập với nền kinh tế thế giới, nhà nước ta cũng có những thay đổi về chính sách kinh tế vĩ mô, các chính sách quản lý nhằm tác động đến cung, cầu, giá cả... nhằm mục đích tạo môi trường kinh doanh ổn định và phát triển. Trong đó, chính sách thuế được coi là một công cụ quan trọng để điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Kế toán với chức năng giúp chủ doanh nghiệp trong công tác tổ chức kế toán, thống kê nhằm cung cấp những thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp một cách đầy đủ kịp thời. Kế toán thuế là công cụ tài chính và điều hành nền kinh tế, nó có vai trò quan trọng đối với nhà nước nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức thuế, kế toán thuế GTGT và kế toán thuế TNDN là một phần hành kế toán quan trọng trong hệ thống kế toán của mỗi doanh nghiệp. Thực hiện tốt kế toán thuế sẽ giúp cho doanh nghiệp xác định đúng số thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp vào ngân sách nhà nước từ đó doanh nghiệp có kế hoạch chủ động nộp thuế, thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, tránh được tình trạng chậm nộp thuế ảnh hưởng mối quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ quan Nhà nước.

Công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn là một công ty sửa chữa xe ô tô, buôn bán các loại phụ tùng xe. Vì vậy các hoạt động mua bán diễn ra nhiều, trong những năm vừa qua, hoạt động kinh doanh của công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn luôn đạt hiệu quả cao. Đó là do công tác kế toán của công ty điều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ Tài chính, đặc biệt là trong kế toán thuế nói chung và thuế GTGT, thuế TNDN nói riêng, khi có bất kỳ một sự sửa đổi nào về luật thuế GTGT hay luật thuế TNDN, công ty đều thực hiện đúng theo các Thông tư hướng dẫn và làm theo những hướng dẫn mới nhất của cơ quan thuế. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán thuế của công ty vẫn còn một số hạn chế như cách sắp xếp bộ máy kế toán, việc tổ chức, sử dụng chứng từ, sổ sách và việc quản lý sử dụng chi phí hợp lý, cần phải khắc phục để công tác kế toán của công ty ngày càng hoàn thiện, đồng thời giúp cho việc thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách nhà nước của công ty được tốt hơn.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, sau quá trình thực tập tại công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn, được tìm hiểu thực tiễn công tác kế toán tại công ty, đi sâu nghiên cứu công tác kế toán thuế mà cụ thể là thuế GTGT và thuế TNDN, kết hợp với những kiến thức đã học tại trường tôi đã chọn đề tài **“Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn”** cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát: Dựa trên cơ sở lí luận về kế toán thuế GTGT và thuế TNDN, đề tài phản ánh và đánh giá thực trạng thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty TNHH MTV Ô tô Ngọc Tấn. Từ đó, đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty TNHH MTV Ô tô Ngọc Tấn.

Mục tiêu cụ thể

- Tổng hợp các vấn đề lý luận liên quan đến thuế, kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty TNHH MTV Ô tô Ngọc Tấn
- Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và kế toán thuế TNDN tại công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn
- Đánh giá và đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Đề tài tập trung đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề về lý luận và thực tiễn về kế toán GTGT và thuế TNDN tại công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn.

Phạm vi nghiên cứu:

- Phạm vi về không gian: Đề tài được thực hiện tại Công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn
- Phạm vi thời gian: các số liệu được thu thập để làm căn cứ là từ năm 2016 - 2018

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập tài liệu, số liệu nghiên cứu: Tìm hiểu thực tế, làm quen với công việc trong quá trình thực tế tại công ty, có rất nhiều thông tin kể cả các thông tin sai lệch hoặc mâu thuẫn với nhau giữa lý thuyết và thực tiễn, cần phải thu thập và lựa chọn thông tin một cách khoa học, có chọn lọc và đảm bảo yêu cầu, mục đích nghiên cứu.

- Phương pháp kế toán: Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt bài nghiên cứu nhằm tìm hiểu quy trình hạch toán, tổng hợp thuế GTGT đầu ra, đầu vào và thuế TNDN phải nộp tại công ty.

- Phương pháp tham khảo tài liệu: Tham khảo thư viện trường tìm hiểu thông qua các văn bản Luật, chính sách, bài viết trên internet...Để từ đó hệ thống hóa cơ sở lý luận về Thuế và Kế toán thuế, đồng thời làm cơ sở cho việc thu thập các tài liệu cần thiết phục vụ làm đề tài.

- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: Tiến hành trao đổi với nhân viên kế toán để thu thập các thông tin liên quan đến đề tài, đặc biệt là quy trình công tác Kế toán thuế GTGT và TNDN tại công ty.

- Phương pháp thu thập tài liệu: Nhằm thu thập các chứng từ, sổ sách liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, gắn với việc thực hiện công tác Kế toán thuế.

- Phương pháp phân tích, so sánh đánh giá và tổng hợp tài liệu: Làm cơ sở để đưa ra các nhận xét sát với tình hình thực tế, cũng như các giải pháp, kiến nghị phù hợp góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán thuế tại công ty.

5. Kết cấu của khóa luận

Đề tài gồm có 3 phần:

Phần I: Đặt vấn đề

Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu, bao gồm

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty

TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn

Chương 3: Đánh giá thực trạng và nêu ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán thuế tại công ty TNHH MTV Ô Tô Ngọc Tấn

Phần III: Kết luận và kiến nghị

PHẦN II NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH MTV Ô TÔ NGỌC TẤN

1.1 Những vấn đề cơ bản về thuế

1.1.1 Khái niệm

Trong lịch sử nghiên cứu về thuế Ăng ghen đã viết: “Để duy trì quyền lực công cộng cần phải có sự đóng góp của công dân cho nhà nước, đó là thuế”

Có thể định nghĩa khái quát về thuế như sau:

Thuế ra đời là mang tính tất yếu gắn liền với sự tồn tại của nhà nước. Như chúng ta đã biết, mỗi nhà nước muốn tồn tại thì phải có một nguồn vật chất nhất định để duy trì sự tồn tại và thực hiện chức năng của nhà nước. Nguồn vật chất đó hình thành từ nhiều hoạt động khác nhau nhưng hoạt động chủ yếu vẫn là hoạt động thu thuế. Việc thu thuế tạo ra một nguồn thu tài chính lớn cho nhà nước, qua đó nhà nước có thể tồn tại và thực hiện chức năng của mình. Do vậy thuế là một hiện tượng tất yếu, xuất hiện và tồn tại cùng các hiện tượng kinh tế xã hội khác, nó có thể khái quát qua định nghĩa như sau: “Thuế là khoản thu nộp mang tính bắt buộc mà các tổ chức cá nhân phải nộp cho nhà nước khi có đủ những điều kiện nhất định”.

Như vậy có thể thấy thuế là một khoản giá trị mà người có nghĩa vụ thực hiện phải nộp cho nhà nước theo quy định pháp luật thuế. Thuế là nghĩa vụ của người nộp thuế. Trong lịch sử, khoản giá trị đó có thể tồn tại dưới dạng vật có giá trị nhưng hiện tại thì thuế tồn tại dưới dạng tiền tệ.

1.1.2 Đặc điểm của thuế

Thuế có những đặc điểm cơ bản như sau:

Thứ nhất, thuế là một khoản thu không bồi hoàn, không mang tính chất hoàn trả trực tiếp. Nộp thuế cho nhà nước không có nghĩa là cho nhà nước mượn tiền vào ngân sách nhà nước hoặc mượn một dịch vụ công. Nộp thuế là một nghĩa vụ cơ bản nhất của công dân.

Thứ hai, thuế là một khoản thu mang tính bắt buộc, để đảm bảo tập trung thuế trên phạm vi toàn xã hội.

Thứ ba, thuế mang tính pháp lý cao. Các pháp nhân và thể nhân chỉ phải nộp cho nhà nước các khoản thuế theo quy định của pháp luật.

1.1.3 Vai trò của thuế

❖ Thứ nhất, thuế là công cụ chủ yếu huy động nguồn lực vật chất cho nhà nước.

Đối với các nước có nền kinh tế phát triển, để huy động tập trung nguồn lực tài chính đáp ứng nhu cầu chi tiêu của nhà nước thì vai trò quan trọng thuộc về thuế. Thuế là nguồn thu quan trọng nhất để phân phối lại các thu nhập theo đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội nước ta. Đặc biệt trong nền kinh tế xã hội hiện nay, thuế phải là công cụ quan trọng góp phần tích cực giảm bội chi ngân sách, giảm lạm phát, ổn định kinh tế- xã hội, chuẩn bị điều kiện và tiền đề cho việc phát triển đất nước lâu dài.

Trong những năm gần đây, mức huy động từ thuế luôn chiếm trên 80% tổng thu NSNN. Nhà nước ta luôn coi thuế là nguồn thu chủ yếu và quan trọng nhất của NSNN.

❖ Thứ hai, thuế là công cụ điều tiết nền kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường.

Thông qua việc xây dựng cơ cấu và mối quan hệ giữa các sắc thuế, việc xác định hợp lý người nộp thuế, thuế suất, chế độ miễn, giảm, phương pháp quản lý thu thuế dựa trên cơ sở hạch toán kế toán đầy đủ, chính xác, thuế là công cụ điều tiết đối với thu nhập của các tầng lớp xã hội thể hiện trên hai mặt: Khuyến khích, nâng đỡ những hoạt động kinh doanh cần thiết làm ăn có hiệu quả, đồng thời thu hẹp, kìm hãm những ngành nghề, mặt hàng cần hạn chế sản xuất, hạn chế tiêu dùng theo hướng tiết kiệm, chống lãng phí. Thuế còn khuyến khích việc bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất, khuyến khích khai thác nguyên liệu, vật tư trong việc hợp tác với nước ngoài, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, bảo vệ sản xuất trong nước.

❖ Thứ ba, thuế là công cụ điều hòa thu nhập, thực hiện công bằng xã hội trong phân phối.

Hệ thống thuế được áp dụng thống nhất giữa các ngành nghề, các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư theo nguyên tắc đảm bảo công bằng và bình đẳng trong nghĩa vụ và quyền lợi. Sự bình đẳng và công bằng được thể hiện thông qua chính sách giống nhau (Thuế suất) giữa các tổ chức và cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế cùng hoạt động trong một lĩnh vực, đảm bảo sự công bằng và bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ của mọi công dân.

❖ Thứ tư, ngoài những vai trò nêu trên thuế là công cụ thực hiện kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thông qua việc khai báo thuế của các doanh nghiệp, công ty và thông qua công tác kiểm tra, kiểm soát và nắm được thực trạng các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, từ đó có thể phát hiện ra những vấn đề về gian lận thương mại, lậu thuế, khai báo sai với tình hình sản xuất kinh doanh trong thực tế, góp phần chấn chỉnh kinh doanh và nâng cao vai trò giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh trong xã hội của cơ quan thuế

1.1.4 Phân loại thuế

Căn cứ vào tính chất và nguồn tài chính đóng góp cho NSNN thuế được phân làm 2 loại: Thuế trực thu và thuế gián thu.

Thuế trực thu là loại thuế đánh trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của các đối tượng nộp thuế. Thuế trực thu có đặc điểm là đối tượng nộp thuế theo luật định cũng chính là người chịu thuế. Việc động viên cho ngân sách nhà nước qua thuế trực thu có tính công bằng hơn so với thuế gián thu bởi vì phần đóng góp về thuế thường phù hợp với khả năng của từng đối tượng, thu nhập cao thì phải nộp thuế nhiều, thu nhập thấp thì nộp thuế ít, thu nhập chỉ đủ trang trải chi phí cần thiết hoặc không có thu nhập thì không cần phải nộp thuế. Thuế trực thu gồm các loại thuế như: Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài sản...

Thuế gián thu là loại thuế không trực tiếp đánh vào thu nhập hay tài sản của người nộp thuế mà điều tiết gián tiếp thông qua giá cả hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khi tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ trên thị trường. Thuế gián thu có đặc

điểm người nộp thuế theo luật không phải là người chịu thuế. Thuế gián thu gồm các thuế như: Thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu...

1.2 Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.1 Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

1.1.1.1. Khái niệm

Thuế giá trị gia tăng (GTGT) là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng

[Điều 2 Luật thuế GTGT số 13/2018/QH12]

1.1.1.2. Đặc điểm của thuế giá trị gia tăng

Thứ nhất, thuế GTGT đánh vào các giai đoạn SXKD nhưng chỉ tính phần giá trị tăng thêm của mỗi giai đoạn. Vì thế, tổng số thuế thu được ở các giai đoạn sẽ bằng với số thuế tính theo giá bán cho người tiêu dùng cuối cùng.

Thứ hai, đối tượng điều tiết của thuế GTGT là phân thu nhập của người tiêu dùng sử dụng để mua hàng hóa và dịch vụ. Như vậy về nguyên tắc chỉ cần thu thuế ở khâu bán hàng cuối cùng là đủ. Tuy nhiên trên thực tế rất khó phân biệt đâu là tiêu dùng trung gian và đâu là tiêu dùng cuối cùng vì thế cứ có hành vi mua hàng là phải tính thuế. Nếu là tiêu dùng trung gian thì số thuế đó sẽ tự động chuyển vào giá bán hàng cho người mua ở giai đoạn sau.

Thứ ba, thuế GTGT còn có tính trung lập cao. Thuế GTGT không chịu ảnh hưởng bởi kết quả kinh doanh của người nộp thuế, không phải là yếu tố chi phí đơn thuần mà là một khoản cộng thêm vào giá bán cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Thứ tư, thuế GTGT không chỉ ảnh hưởng bởi quá trình tổ chức và phân chia các chu trình kinh tế. Như ta đã biết GTGT là phần giá trị mới được tạo ra trong quá trình SXKD. Nó được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị sản xuất và tiêu thụ với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng, tổng GTGT ở tất cả các giai đoạn luân chuyển có giá trị bằng giá bán của sản phẩm ở giai đoạn cuối cùng, nên việc thu thuế trên GTGT ở từng giai đoạn đảm bảo cho tổng số thuế thu được tương ứng với số thuế tính trên giá bán trong giai đoạn cuối cùng. Chính vì thế quá trình tổ chức kinh tế và phân chia các chu trình kinh tế có diễn ra dài hay ngắn thì thuế GTGT cũng không bị

ảnh hưởng. Và tổng số thuế ở các giai đoạn cuối cùng bất kể số giai đoạn luôn khớp với số tính thuế trên giá bán ở giai đoạn cuối cùng bất kể số giai đoạn nhiều hay ít

1.1.1.3. Vai trò của thuế GTGT

Thuế GTGT có diện điều chỉnh rộng (Đối với mọi hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam) và khắc phục được những nhược điểm trùng lặp vào các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh nên có tác dụng:

Thứ nhất, đảm bảo nguồn thu lớn, ổn định, kịp thời về cho NSNN, góp phần tăng cường tài chính quốc gia, đảm bảo nguồn lực kinh tế để phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo và củng cố an ninh quốc phòng.

Thứ hai, khuyến khích SXKD phát triển, khuyến khích đầu tư, khuyến khích xuất khẩu và từ đó thúc đẩy SXKD phát triển.

Thứ ba, khuyến khích doanh nghiệp tăng cường hạch toán kinh doanh, thực hiện tốt chế độ kế toán, lưu trữ hóa đơn, chứng từ, chống trốn thuế, lậu thuế, nâng cao tinh thần tự giác của các đối tượng kinh doanh.

Thứ tư, góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách thuế, làm cho hệ thống chính sách thuế từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo thuận lợi cho việc hội nhập khu vực của nước ta với khu vực và trên thế giới.

Tóm lại: Thuế GTGT là một sắc thuế tiên tiến, việc áp dụng thuế GTGT khắc phục được nhược điểm thuế của thuế doanh thu trước đây là: “Thuế chồng lên thuế”, thuế giá trị gia tăng có nhiều ưu điểm, tác dụng tích cực thúc đẩy tốc độ giao dịch, khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, tăng cường đầu tư, tăng thu cho ngân sách nhà nước.

1.1.1.4. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế GTGT

a. Đối tượng chịu thuế GTGT:

Hàng hóa dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của luật này (Đối tượng không chịu thuế)

[Điều 3 luật thuế GTGT và thuế TNDN của Bộ tài chính, năm 2009]

b. Đối tượng nộp thuế

Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng.

[Theo điều 4 Luật thuế GTGT Số 13/2008/QH12]

c. Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng

Đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT được quy định tại điều 5 Luật thuế GTGT số 13/2018 và được sửa đổi, bổ sung theo các luật thuế tiếp theo:

Gồm 26 nhóm hàng hóa dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT được quy định tại luật thuế Việt Nam được chia thành 8 nhóm như sau:

- Mang tính thiết yếu
- Thuộc các ưu đãi vì mục tiêu xã hội, nhân đạo
- Của một số ngành cần khuyến khích phát triển.
- Nhập khẩu nhưng không tiêu dùng tại Việt Nam
- Khó xác định giá trị tăng thêm

❖ Lưu ý:

- CSKD không được khấu trừ và hoàn thuế GTGT đầu vào của HHDV sử dụng cho SXKD HHDV thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT mà phải tính vào giá trị nguyên vật liệu hoặc chi phí kinh doanh.

- Hàng hóa thuộc diện không chịu thuế GTGT khâu nhập khẩu theo quy định nếu thay đổi mục đích sử dụng phải kê khai, nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu theo quy định với cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan.

1.1.1.5 Căn cứ và phương pháp tính thuế GTGT**a. Căn cứ tính thuế GTGT**

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất.

❖ Theo điều 7 Luật thuế GTGT số 13/2018/QH12, giá tính thuế được quy định như sau:

Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất kinh doanh bán ra là giá bán chưa có

thuế giá trị gia tăng. Đối với hàng hóa dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng.

Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập khẩu tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (Nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (Nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu.

Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng cho là giá tính thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Đối với sản phẩm, HHDV dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0); trường hợp HHDV dùng để khuyến mại nhưng không thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại thì phải kê khai, tính nộp thuế như hàng hóa, dịch vụ dùng để tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho.

Đối với hoạt động cho thuê tài sản như cho thuê nhà, văn phòng, xưởng, kho tàng, bến, bãi, phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị là số tiền cho thuê chưa có thuế GTGT.

Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá tính theo giá bán trả một lần chưa có thuế GTGT của hàng hoá đó, không bao gồm khoản lãi trả góp, trả chậm.

❖ Thời điểm xác định thuế GTGT:

Đối với bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hoá cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa.

❖ Thuế suất

Theo điều 8 luật thuế GTGT và Có 3 loại thuế suất: 0%, 5%, 10%.

➤ Thuế suất 0%

- Hàng hóa xuất khẩu bao gồm hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả ủy thác

xuất khẩu; hàng hóa bán vào khu phi thuế quan theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; hàng bán cho cửa hàng miễn thuế; hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam; phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc, thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở Việt Nam; các trường hợp được coi là xuất khẩu theo quy định của pháp luật.

- Dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở Việt Nam; cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan.

- Vận tải quốc tế bao gồm vận tải hành khách, hành lý, hàng hoá theo chặng quốc tế từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam, hoặc cả điểm đi và đến ở nước ngoài, không phân biệt có phương tiện trực tiếp vận tải hay không có phương tiện. Trường hợp, hợp đồng vận tải quốc tế bao gồm cả chặng vận tải nội địa thì vận tải quốc tế gồm cả chặng nội địa.

- Dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở nước ngoài hoặc thông qua đại lý.

- Các hàng hóa, dịch vụ khác: hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan; HHDV thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0%; dịch vụ sửa chữa tàu bay, tàu biển cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

➤ Thuế suất 5%:

Áp dụng cho HHDV thiết yếu phục vụ sản xuất, tiêu dùng và các HHDV cầu ưu đãi, hiện nay bao gồm 16 loại HHDV chịu thuế GTGT, cụ thể như sau:

Nhóm 1: HHDV thiết yếu phục vụ cho đời sống xã hội:

- Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt.
- Thuốc chữa bệnh, phòng bệnh cho người và vật nuôi.
- Đồ chơi trẻ em, sách các loại (trừ sách không chịu thuế GTGT).
- Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của Luật nhà ở.

Nhóm 2: HHDV nhằm thực hiện chính sách xã hội, khuyến khích đầu tư sản

xuất:

- Phân bón, quặng để sản xuất phân bón, thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng cây trồng, vật nuôi

- Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.

- Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi thủy sản, hải sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế thông thường ở khâu thương mại.

- HHDV trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Thiết bị y tế.

- Giáo cụ để giảng dạy, học tập.

- Dịch vụ khoa học công nghệ.

➤ Thuế suất 10%:

Áp dụng cho HHDV thông thường không nằm trong diện không chịu thuế GTGT, thuế suất 0%, thuế suất 5%

b. Phương pháp tính thuế GTGT

Phương pháp tính thuế GTGT gồm phương pháp khấu trừ thuế GTGT và phương pháp tính trực tiếp trên thuế GTGT.

❖ Phương pháp khấu trừ thuế GTGT được quy định như sau:

Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế bằng số thuế GTGT đầu ra trừ số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ; số thuế GTGT đầu ra bằng tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn GTGT; số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ bằng tổng số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ, chứng từ nộp thuế GTGT của hàng hóa nhập khẩu.

Phương pháp khấu trừ thuế được áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo khấu trừ thuế. [Theo khoản 4 điều 1 luật bổ sung sửa đổi số 31/2013 và điều 12 thông tư 219/2013/TT-BTC]

Xác định thuế GTGT phải nộp